

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **QUÝ IV NĂM 2017**

**NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

# **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Nha Trang, ngày 17 tháng 01 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ IV NĂM 2017**

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT**  
**NƯỚC KHÁNH HÒA**

Nha Trang, ngày 17 tháng 01 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**QUÝ IV NĂM 2017**

ĐVT : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>136,713,300,512</b>	<b>138,361,531,008</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>29,930,964,736</b>	<b>39,038,159,183</b>
1. Tiền	111		6,930,964,736	13,038,159,183
- Tiền mặt	111A		56,046,667	8,883,249
- Tiền gửi ngân hàng	111B		6,874,918,069	13,029,275,934
- Tiền đang chuyển	111C		0	0
2. Các khoản tương đương tiền	112		23,000,000,000	26,000,000,000
- Tiền gửi có kỳ hạn: &lt;= 3 tháng	112A		23,000,000,000	26,000,000,000
- Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn: &lt;= 3 tháng	112B		0	0
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>16,000,000,000</b>	<b>21,000,000,000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		16,000,000,000	21,000,000,000
- Tiền gửi có kỳ hạn: &gt; 3 tháng và &lt;= 12 tháng	123A		16,000,000,000	21,000,000,000
- Trái phiếu: ngắn hạn	123B		0	0
- Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn: &gt; 3 tháng và &lt;= 12 tháng	123C		0	0
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>48,030,222,861</b>	<b>31,554,392,345</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		46,898,760,450	29,551,923,921
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		983,756,000	467,372,074
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
- Phải thu nội bộ về chênh lệch tỷ giá: ngắn hạn	133A		0	0
- Phải thu nội bộ về chi phí đi vay đủ điều kiện được vốn hoá: ngắn hạn	133B		0	0
- Phải thu nội bộ khác: ngắn hạn	133C		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		147,706,411	1,688,696,350
- Phải thu về cổ phần hóa: ngắn hạn	136A		0	0
- Phải thu ngắn hạn khác (13881)	136B		70,986,411	1,668,696,350
- Phải thu ngắn hạn khác (33881)	136C		0	0
- Tạm ứng: ngắn hạn	136D		56,720,000	0

- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược: ngắn hạn	136E		20,000,000	20,000,000
- Phải thu người lao động	136F		0	0
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	-153,600,000
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>40,388,348,889</b>	<b>43,539,903,353</b>
1. Hàng tồn kho	141		40,388,348,889	43,539,903,353
- Hàng mua đang đi trên đường	141A		0	0
- Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	141B		38,371,992,979	41,034,090,999
- Công cụ, dụng cụ trong kho	141C		0	0
- Chi phí SXKD dở dang	141D		2,016,355,910	2,505,812,354
- Thành phẩm tồn kho	141E		0	0
- Hàng hóa tồn kho	141F		0	0
- Hàng gửi đi bán	141G		0	0
- Hàng hóa kho bảo thuế	141H		0	0
- Thiết bị, phụ tùng thay thế: dài hạn	141I		0	0
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2,363,764,026</b>	<b>3,229,076,127</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		680,550,000	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,683,214,026	2,653,330,274
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		0	575,745,853
- Thuế GTGT phải nộp (3331)	153A		0	0
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	153B		0	0
- Thuế xuất, nhập khẩu	153C		0	0
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	153D		0	575,745,853
- Thuế thu nhập cá nhân	153E		0	0
- Thuế tài nguyên	153F		0	0
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	153G		0	0
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	153H		0	0
- Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	153I		0	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>418,075,701,965</b>	<b>405,012,503,292</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
- Phải thu nội bộ về chênh lệch tỷ giá: dài hạn	214A		0	0

- Phải thu nội bộ về chi phí đi vay đủ điều kiện được vốn hoá: dài hạn	214B		0	0
- Phải thu nội bộ khác: dài hạn	214C		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216		0	0
- Phải thu về cổ phần hóa: dài hạn	216A		0	0
- Phải thu dài hạn khác (13882)	216B		0	0
- Phải thu dài hạn khác (33882)	216C		0	0
- Tạm ứng: dài hạn	216D		0	0
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược: dài hạn	216E		0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>381,192,464,132</b>	<b>372,044,280,523</b>
1. TSCĐ hữu hình	221		361,827,391,105	350,830,193,688
- Nguyên giá	222		758,375,144,005	663,818,279,620
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-396,547,752,900	-312,988,085,932
2. TSCĐ thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. TSCĐ vô hình	227		19,365,073,027	21,214,086,835
- Nguyên giá	228		27,837,385,000	27,837,385,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-8,472,311,973	-6,623,298,165
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>12,656,170,467</b>	<b>22,860,355,403</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
- Chi phí SXKD dở dang: dài hạn	241A		0	0
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: chi phí dở dang dài hạn Cơ điện	241B		0	0
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: chi phí dở dang dài hạn	241C		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		12,656,170,467	22,860,355,403
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>23,907,867,366</b>	<b>10,107,867,366</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		24,000,000,000	10,200,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-92,132,634	-92,132,634
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
- Tiền gửi có kỳ hạn: > 12 tháng	255A		0	0
- Trái phiếu: dài hạn	255B		0	0
- Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn: > 12 tháng	255C		0	0

<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>319,200,000</b>	<b>0</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		319,200,000	0
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262A		0	0
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	262B		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
- Thiết bị, phụ tùng thay thế: dài hạn	263A		0	0
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: thiết bị, phụ tùng thay thế dài hạn	263B		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>554,789,002,477</b>	<b>543,374,034,300</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>251,630,281,529</b>	<b>246,786,114,367</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>102,256,720,451</b>	<b>90,842,697,555</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		33,460,922,333	32,424,520,461
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3,365,896,000	3,665,764,000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		7,407,989,975	6,881,364,803
- Thuế GTGT phải nộp	313A		0	0
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	313B		0	0
- Thuế xuất, nhập khẩu	313C		0	0
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	313D		733,035,703	0
- Thuế thu nhập cá nhân	313E		405,875,000	1,753,764,350
- Thuế tài nguyên	313F		109,813,200	151,366,240
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	313G		0	0
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	313H		0	0
- Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	313I		6,159,266,072	4,976,234,213
4. Phải trả người lao động	314		18,867,077,069	17,944,800,700
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2,263,294,108	1,734,219,659
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
- Phải trả nội bộ về chênh lệch tỷ giá: ngắn hạn	316A		0	0
- Phải trả nội bộ về chi phí đi vay đủ điều kiện được vốn hoá: ngắn hạn	316B		0	0
- Phải trả nội bộ khác: ngắn hạn	316C		0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		50,841,000	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		574,785,158	1,341,432,889
- Tài sản thừa chờ giải quyết	319A		0	0
- Kinh phí công đoàn	319B		622,397,551	415,523,384
- Bảo hiểm xã hội	319C		-47,612,393	259,127,155
- Bảo hiểm y tế	319D		0	0

- Phải trả về cổ phần hóa: ngắn hạn	319E		0	0
- Bảo hiểm thất nghiệp	319F		0	0
- Phải trả ngắn hạn khác (33881)	319G		0	666,782,350
- Phải trả ngắn hạn khác (13881)	319H		0	0
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	319I		0	0
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		30,826,827,530	21,966,493,765
- Các khoản đi vay: ngắn hạn	320A		30,826,827,530	21,966,493,765
- Nợ thuê tài chính: ngắn hạn	320B		0	0
- Mệnh giá trái phiếu: ngắn hạn	320C		0	0
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa: ngắn hạn	321A		0	0
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng: ngắn hạn	321B		0	0
- Dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp: ngắn hạn	321C		0	0
- Dự phòng phải trả khác: ngắn hạn	321D		0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5,439,087,278	4,884,101,278
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>149,373,561,078</b>	<b>155,943,416,812</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
- Phải trả nội bộ về chênh lệch tỷ giá: dài hạn	335A		0	0
- Phải trả nội bộ về chi phí đi vay đủ điều kiện được vốn hoá: dài hạn	335B		0	0
- Phải trả nội bộ khác: dài hạn	335C		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337		10,297,567,385	6,587,407,354
- Phải trả về cổ phần hóa: dài hạn	337A		0	0
- Phải trả dài hạn khác (33882)	337B		5,724,767,385	237,807,354
- Phải trả dài hạn khác (13882)	337C		0	0
- Nhận ký quỹ, ký cược: dài hạn	337D		4,572,800,000	6,349,600,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		137,151,224,031	147,431,239,796
- Các khoản đi vay: dài hạn	338A		137,151,224,031	147,431,239,796
- Nợ thuê tài chính: dài hạn	338B		0	0
- Mệnh giá trái phiếu: dài hạn	338C		0	0
- Chiết khấu trái phiếu	338D		0	0
- Phụ trội trái phiếu	338E		0	0

9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341A		0	0
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	341B		0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa: dài hạn	342A		0	0
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng: dài hạn	342B		0	0
- Dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp: dài hạn	342C		0	0
- Dự phòng phải trả khác: dài hạn	342D		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1,924,769,662	1,924,769,662
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>303,158,120,948</b>	<b>296,587,919,933</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>303,158,120,948</b>	<b>296,587,919,933</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		260,000,000,000	260,000,000,000
- Vốn góp của Nhà nước	411A		206,000,000,000	206,000,000,000
- Vốn góp của các thể nhân khác	411B		54,000,000,000	54,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		852,875,935	852,875,935
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		0	-314,400,000
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		7,655,926,000	4,886,075,000
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		34,649,319,013	31,163,368,998
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A		4,576,565,260	3,464,857,552
- LNST chưa phân phối kỳ này	421B		30,072,753,753	27,698,511,446
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		0	0
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Nguồn kinh phí	431		0	0
- Nguồn kinh phí	431A		0	0
- Chi sự nghiệp	431B		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>554,788,402,477</b>	<b>543,374,034,300</b>

Nha Trang, ngày 18 tháng 01 năm 2017

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc









**Nguyễn Văn Quân**

**Trần Văn Huy**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

QUÝ IV NĂM 2017

ĐVT : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>93.492.480.965</b>	<b>74.798.991.853</b>	<b>312.197.369.158</b>	<b>260.080.627.681</b>
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01A		93.492.480.965	74.798.991.853	312.197.369.158	260.080.627.681
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		<b>61.263.727</b>		<b>89.317.727</b>	<b>28.322.114</b>
+ Chiết khấu thương mại	02A					
+ Giảm giá	02B					
+ Hàng bán bị trả lại	02C		10.422.727		38.476.727	28.322.114
+ Doanh thu chưa thực hiện	02D		50.841.000		50.841.000	
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02)</b>	<b>10</b>		<b>93.431.217.238</b>	<b>74.798.991.853</b>	<b>312.108.051.431</b>	<b>260.052.305.567</b>
4. Giá vốn hàng bán	11		83.770.950.800	66.580.975.602	265.867.027.723	220.282.897.762
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>9.660.266.438</b>	<b>8.218.016.251</b>	<b>46.241.023.708</b>	<b>39.769.407.805</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.836.367.178	795.088.199	3.205.448.136	2.836.940.347
7. Chi phí tài chính	22		1.658.415.897	995.625.497	5.130.615.117	5.152.990.954
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.658.415.897	995.625.497	5.130.615.117	5.152.990.954
8. Chi phí bán hàng	25			31.080.000	518.795.454	184.335.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		4.009.317.714	2.198.659.161	9.310.369.792	6.263.900.673
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>5.828.900.005</b>	<b>5.787.739.792</b>	<b>34.486.691.481</b>	<b>31.005.121.525</b>
11. Thu nhập khác	31		1.753.920.011	1.222.458.471	6.235.199.136	5.471.203.545
12. Chi phí khác	32		1.574.678.911	1.837.226.283	6.240.355.308	4.994.455.751
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		179.241.100	-614.767.812	-5.156.172	476.747.794
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>6.008.141.105</b>	<b>5.172.971.980</b>	<b>34.481.535.309</b>	<b>31.481.869.319</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		977.331.039	702.637.914	4.408.781.556	3.783.357.873
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phải trả	52A					
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phải thu	52B					
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>5.030.810.066</b>	<b>4.470.334.066</b>	<b>30.072.753.753</b>	<b>27.698.511.446</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70				0	853
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71				0	853

Nha Trang, ngày 18 tháng 01 năm 2018

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc






Nguyễn Văn Quân

Trần Văn Huy

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP**

QUÝ IV NĂM 2017

ĐVT : VND

Chỉ tiêu	Mã số in	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		104,414,684,304	92,751,865,862
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(45,381,203,362)	(34,583,810,379)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(21,596,625,272)	(18,158,698,069)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(1,405,808,776)	(1,285,913,743)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(538,601,652)	(1,500,000,000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3,568,568,954	3,277,185,545
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(31,192,125,663)	(35,408,856,466)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7,868,888,533	5,091,772,750
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1,217,685,446)	(560,877,009)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(6,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(3,000,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,030,418,434	13,988,198
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(187,267,012)	(9,546,888,811)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	(23,580,000)
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(6,703,080,000)	(5,923,080,000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(5,725,424,817)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6,703,080,000)	(11,672,084,817)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		978,541,521	(16,127,200,878)

Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		28,952,423,215	46,165,360,061
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
- Lãi do đánh giá chênh lệch tỷ giá	61A		-	-
- Lỗ do đánh giá chênh lệch tỷ giá	61B			-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		29,930,964,736	30,038,159,183

Lập biểu

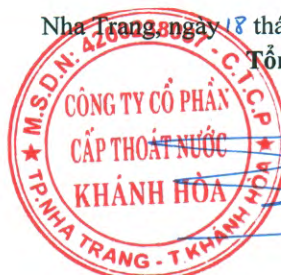


Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quân

Nha Trang, ngày 18 tháng 01 năm 2017



Tổng Giám đốc

Trần Văn Huy

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

---

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và cung cấp nước sạch; Thi công lắp đặt công trình trạm bơm và đường ống cấp thoát nước; Thiết kế mạng lưới và công trình trạm bơm cấp thoát nước; Tư vấn thăm tra mạng lưới và công trình trạm bơm cấp thoát nước..

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu và lợi nhuận kỳ này tăng so với cùng kỳ năm trước do Công ty điều chỉnh giá nước sinh hoạt từ ngày 01/01/2017 theo Quyết định số 3555/QĐ-UB ngày 23/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Mặt khác Công ty ngày càng mở rộng việc khai thác khách hàng sử dụng nước sinh hoạt tăng theo tốc độ phát triển đô thị trên địa bàn Thành Phố Nha Trang và Huyện Diên Khánh.

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 343 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 342 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **3. Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### ***Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết***

***Công ty liên kết***

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

## *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **4. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## **5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là lợi thế kinh doanh, chi phí công cụ, dụng cụ, các tuyến ống, chi phí sửa chữa, đồng hồ thay mới,... Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### *Lợi thế kinh doanh*

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty. Lợi thế kinh doanh được phân bổ trong 3 năm kể từ thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần.

#### *Chi phí trả trước dài hạn khác*

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm: công cụ, dụng cụ, các tuyến ống, chi phí sửa chữa, đồng hồ thay mới,... đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

### 7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc và thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,.... Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất.

#### *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

#### *Tài sản cố định vô hình khác*

Tài sản cố định vô hình khác là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra để lập quy hoạch hệ thống cấp nước TP. Nha Trang và Huyện Diên Khánh đến 2010 và định hướng đến 2025. Tài sản này được khấu hao 15 năm.

### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
  - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
  - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
  - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
  - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ tương ứng và không phải trích khấu hao.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ không quá 10% thu nhập tính thuế trong kỳ và do Hội đồng quản trị quyết định căn cứ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được tính vào chi phí hoặc phân bổ cho các năm sau.

### 13. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

## **14. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## **15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

### *Doanh thu bán hàng hoá*

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### *Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động*

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### 16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

### 21. Công cụ tài chính

#### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

#### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
Tiền mặt	56.046.667	8.883.249
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.874.918.069	13.029.275.934
Các khoản tương đương tiền	23.000.000.000	17.000.000.000
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	<u>23.000.000.000</u>	<u>17.000.000.000</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>29.930.964.736</u></b>	<b><u>30.038.159.183</u></b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

#### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>31/12/2017</u>		<u>31/12/2016</u>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>16.000.000.000</b>	<b>16.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	16.000.000.000	16.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>16.000.000.000</u></b>	<b><u>16.000.000.000</u></b>	<b><u>30.000.000.000</u></b>	<b><u>30.000.000.000</u></b>

#### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201574467 ngày 27 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu 24.000.000.000VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Trong kỳ Công ty đã đầu tư 13.800.000.000VND. Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo tài chính chính, Công ty đã đầu tư

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

24.000.000.000VND, tương đương 30% vốn điều lệ thực góp. Vốn điều lệ đã đóng đầy đủ vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu với tổng giá trị là 24.000.000.000 VND.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

*Tình hình hoạt động của công ty liên doanh, liên kết*

Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng nhà máy, đã bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh chính là khai thác, xử lý và cung cấp nước.

*Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau: (22932)

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
Số đầu năm	92.132.634	-
Trích lập dự phòng	-	92.132.634
Số cuối năm	<u>92.132.634</u>	<u>92.132.634</u>

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng cấp thoát nước Suối Dầu	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		<b>29.547.889.725</b>
Phải thu tiền nước khách hàng	29.550.495.960	25.233.870.725
Phải thu hoạt động xây lắp	-	437.798.000
Phải thu hoạt động nạo vét hệ thống nước	16.739.143.000	3.876.221.000
Phải thu khách hàng khác	609.121.490	-
<b>Cộng</b>	<u><b>46.898.760.450</b></u>	<u><b>29.547.889.725</b></u>

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Công ty TNHH Một thành viên Đồng Phát	395.510.000	-
Công ty CP đầu tư phát triển hạ tầng và môi trường ( IDECA)	194.646.000	98.000.000
Các khách hàng khác	393.600.000	369.372.074
<b>Cộng</b>	<u><b>983.756.000</b></u>	<u><b>467.372.074</b></u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 5. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	-	-	-	-
Ký cược vỏ chai (244)	20.000.000	-	20.000.000	-
Thuế TNCN còn phải thu của công nhân viên (1388111/3335)	-	-	-	-
Tạm ứng nhân viên	56.720.000	-	-	-
Tạm ứng XNXL	-	-	21.757.650	-
Phải thu khác	70.986.411	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>147.706.411</b>	<b>-</b>	<b>41.757.650</b>	<b>-</b>

#### 6. Nợ xấu

	31/12/2017			31/12/2016		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>						
Công ty Cổ phần 504	Trên 3 năm	100.000.000	-	Trên 3 năm	100.000.000	-
Công ty Cổ phần Catsoft	Trên 3 năm	53.600.000	-	Trên 3 năm	53.600.000	-
<b>Cộng</b>		<b>153.600.000</b>	<b>-</b>		<b>153.600.000</b>	<b>-</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	31/12/2017	31/12/2016
Số đầu năm	153.600.000	153.600.000
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>153.600.000</b>	<b>153.600.000</b>

#### 7. Hàng tồn kho

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	40.388.348.889	-	41.034.090.999	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>40.388.348.889</b>	<b>-</b>	<b>41.034.090.999</b>	<b>-</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
31/12/2016	58.648.815.300	171.923.106.182	431.927.360.076	1.318.998.062	691.655.664.620
Mua trong kỳ	-	2.553.131.804	2.144.540.909	191.727.273	4.889.399.986
Đầu tư XDDB hoàn thành	626.503.636	19.738.227.897	67.973.352.866	-	88.338.084.399
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(33.013.000)	(438.080.000)	-	(471.093.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>59.275.318.936</b>	<b>194.181.452.883</b>	<b>503.407.646.851</b>	<b>1.510.725.335</b>	<b>758.375.144.005</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
31/12/2016	29.384.940.249	59.567.495.102	223.043.804.026	991.846.555	312.988.085.932
Khấu hao trong kỳ	6.169.080.206	35.552.693.760	41.544.923.301	292.969.701	83.559.666.968
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>35.554.020.455</b>	<b>95.120.188.862</b>	<b>264.588.727.327</b>	<b>1.284.816.256</b>	<b>396.547.752.900</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
31/12/2016	29.263.875.051	112.355.611.080	208.883.556.050	327.151.507	350.830.193.688
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>23.721.298.481</b>	<b>99.061.264.021</b>	<b>238.818.919.524</b>	<b>225.909.079</b>	<b>361.827.391.105</b>

### 9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
31/12/2016	24.636.685.000	2.579.904.000	620.796.000	27.837.385.000
Mua trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>24.636.685.000</b>	<b>2.579.904.000</b>	<b>620.796.000</b>	<b>27.837.385.000</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>				
31/12/2016	3.719.201.269	2.579.904.000	324.192.896	6.623.298.165
Khấu hao trong kỳ	1.807.627.404	2.579.904.000	41.386.404	1.849.013.808
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.526.828.673</b>	<b>2.579.904.000</b>	<b>365.579.300</b>	<b>8.472.311.973</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
31/12/2016	20.917.483.731	-	296.603.104	21.214.086.635
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>19.109.856.327</b>	<b>-</b>	<b>255.216.700</b>	<b>19.365.073.027</b>
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2016	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	31/12/2017
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>22.236.744.221</b>	<b>88.990.905.898</b>	<b>72.169.182.000</b>	<b>27.025.908.834</b>	<b>11.968.478.376</b>
- Dự án mở rộng cấp nước thành phố Nha Trang	409.027.272	-	-	-	409.027.272
- Nâng công suất Nhà máy nước Võ cạnh lên 98.000m <sup>3</sup> /ngđ	214.583.910	-	-	-	214.583.910
- Dự án cấp nước Đào Trí Nguyễn- Nha Trang	16.313.710.359	18.537.939.594	33.920.375.000	787.493.365	143.781.588
- Dự án mở rộng nâng cấp hệ thống nước TP. Nha Trang	644.674.930	-	-	-	644.674.930
- Dự án nâng cấp tuyến ống DNB 700 đường 23/10 từ NMN Võ cạnh - Cầu đũa	1.386.117.545	-	-	-	1.386.117.545
- Đường Phạm văn Đồng ( Từ ngã 3 Phạm văn Đồng đến cuối thôn Đường Đệ )	-	2.388.829.687	-	42.920.765	2.345.908.922
- Các công trình tuyến ống cấp nước	3.892.241.387	68.064.136.617	38.248.807.000	26.195.494.704	7.447.995.391
<b>Cộng</b>	<b>22.860.355.403</b>	<b>88.990.905.898</b>	<b>72.169.182.000</b>	<b>27.025.908.834</b>	<b>12.656.170.467</b>

**11. Chi phí trả trước ngắn hạn (242)**

	31/12/2017	31/12/2016
Lợi thế kinh doanh	-	-
Đồng hồ thay mới	-	-
Hệ thống nước	-	-
Chi phí khác	999.750.000	877.080.000
<b>Cộng</b>	<b>999.750.000</b>	<b>877.080.000</b>

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2017	31/12/2016
<b>Phải trả các bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu	3.393.750.000	102.000.000
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>		
CT TNHH Minh thông	3.115.625.781	8.025.847.662
CT TNHH Dững Lợi	11.617.475.992	7.242.023.856

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
CT TNHH Thương mại N.T.P	6.467.301.500	1.046.887.600
CT CP Nhựa Đồng Nai	3.046.604.660	1.403.116.000
CT HAWACO Miền nam	4.860.805.400	2.100.450.000
Các nhà cung cấp khác	959.359.000	12.504.195.343
<b>Cộng</b>	<b><u>33.460.922.333</u></b>	<b><u>32.424.520.461</u></b>

**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Trung tâm phát triển quỹ đất Tỉnh Khánh hòa	1 261 098 000	-
BQL Dự án ĐTXD các công trình NN & PTNT tỉnh Khánh Hòa	974 413 000	-
Ban QLDA các công trình Giao thông và Thủy Lợi Khánh hòa	-	3.380.279.000
Trả trước của các khách hàng khác	1.130.385.000	285.485.000
<b>Cộng</b>	<b><u>3.365.896.000</u></b>	<b><u>3.665.764.000</u></b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>31/12/2016</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>31/12/2017</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.372.454	-	18.919.589.960	18.924.962.414	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	537.144.201	4.408.781.556	3.138.601.652	733.035.703	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.753.764.350	-	2.896.607.000	4.244.496.350	405.875.000	-
Thuế tài nguyên	151.366.240	-	1.681.092.700	1.722.645.740	109.813.200	-
Thuế nhà đất	-	-	32.595.800	32.595.800	-	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.976.234.213	-	72.792.338.182	71.609.306.323	6.159.266.072	-
<i>Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt</i>	343.804.672	-	5.855.115.532	5.681.553.140	517.367.064	-
<i>Phí thoát nước đô thị</i>	4.276.599.101	-	65.015.356.210	64.108.421.275	5.183.534.036	-
<i>Phí dịch vụ bảo vệ môi trường rừng</i>	355.830.440	-	1.921.866.440	1.819.331.908	458.364.972	-
<b>Cộng</b>	<b><u>6.886.737.257</u></b>	<b><u>537.144.201</u></b>	<b><u>100.734.005.198</u></b>	<b><u>99.675.608.279</u></b>	<b><u>7.407.989.975</u></b>	<b>-</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động cung cấp nước sạch	5%
- Hoạt động xây lắp, khảo sát thiết kế và dịch vụ khác	10%

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất nước theo công văn 143/CT-TTHT ngày 10 tháng 01 kỳ 2013 của Cục thuế Tỉnh Khánh Hòa và Quyết định 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 kỳ 2008 của Thủ Tướng Chính Phủ.

Thu nhập từ các hoạt động khác nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>31/12/2017</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.008.141.105
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	
- Các khoản điều chỉnh tăng	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	19.500.000
Thu nhập chịu thuế	<u>5.988.641.105</u>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<u>1.197.728.221</u>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</b>	<u>(220.397.182)</u>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các kỳ trước</b>	-
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<u><u>977.331.039</u></u>

### **Thuế tài nguyên**

Công ty phải nộp thuế tài nguyên đối với mặt nước phục vụ sản xuất với giá tính thuế là 4.000 VND/m<sup>3</sup> và thuế suất 1%.

### **Tiền thuê đất**

Tiền thuê đất tại số 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa với diện tích 1.185.3m<sup>2</sup>. Công ty trả một lần cho nhiều kỳ và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

### **Thuế nhà đất**

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Chi phí lãi vay phải trả	252.607.121	291.469.754
Chi phí công trình	469.065.259	110.000.000
Chi phí hỗ trợ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	-	375.600.000
Chi phí khám sức khỏe định kỳ	185.300.000	-
Chi phí may BHLĐ cho công nhân	281.583.600	157.907.000
Chi phí tiền điện sản xuất	-	253.626.300
Chi phí khác	1.074.738.128	545.616.605
<b>Cộng</b>	<b><u>2.263.294.108</u></b>	<b><u>1.734.219.659</u></b>

**16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Kinh phí công đoàn	622.397.551	415.523.384
BHXH – BHYT – BHTN	(47.612.393)	259.127.155
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>574.785.158</u></b>	<b><u>674.650.539</u></b>

**16b. Phải trả dài hạn khác**

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Tiền lãi vay ân hạn phải trả - Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa <sup>(*)</sup> (34422)	4.572.800.000	6.349.600.000
Nhận đặt cọc lắp đặt hệ thống ống nước và sang tên hợp đồng (338821)	230.000.000	781.052.154
Phải trả khác	5.494.767.385	707.807.354
<b>Cộng</b>	<b><u>10.297.567.385</u></b>	<b><u>7.838.459.508</u></b>

<sup>(\*)</sup> Tiền lãi vay ân hạn phải trả dài hạn căn cứ theo lịch trả nợ của Biên bản làm việc với Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa. Tiền lãi được trả định kỳ 06 tháng một lần, mỗi kỳ 888.400.000 VND.

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****17a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.17b)</b>	<b>30.826.827.530</b>	<b>30.826.827.530</b>	<b>21.966.493.765</b>	<b>21.966.493.765</b>
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	9.026.160.000	9.026.160.000	9.026.160.000	9.026.160.000
- Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa	9.600.000.000	9.600.000.000	6.840.000.000	6.840.000.000
- Vay Ngân sách Tỉnh Khánh Hòa	12.200.667.530	12.200.667.530	6.100.333.765	6.100.333.765
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>	<b>76.183.992.378</b>	<b>76.183.992.378</b>	<b>80.327.568.378</b>	<b>80.327.568.378</b>
Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	49.643.880.978	49.643.880.978	58.670.040.978	58.670.040.978
Vay dài hạn Quỹ đầu tư Phát triển Khánh Hòa	26.540.111.400	26.540.111.400	21.657.527.400	21.657.527.400
<b>Vay các tổ chức khác</b>	<b>60.967.231.653</b>	<b>60.967.231.653</b>	<b>67.103.671.418</b>	<b>67.103.671.418</b>
Vay Ngân sách Tỉnh Khánh Hòa	60.967.231.653	60.967.231.653	67.103.671.418	67.103.671.418

**18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	31/12/2016	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
	Quỹ khen thưởng	84.095.000	3.323.821.000	3.930.837.000
Quỹ phúc lợi	4.800.006.278	1.384.926.000	224.686.000	5.960.246.278
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	1.107.940.000	1.107.940.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.884.101.278</b>	<b>5.816.687.000</b>	<b>5.263.463.000</b>	<b>5.439.087.278</b>

**19. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

31/12/2016	1.924.769.662
Số đã sử dụng trong kỳ	-
31/12/2017	<b>1.924.769.662</b>

**20. Vốn chủ sở hữu****20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

**20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2017	31/12/2016
Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa	206.000.000.000	206.000.000.000
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	40.600.000.000	40.600.000.000
Các cổ đông khác	13.400.000.000	13.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>260.000.000.000</b>	<b>260.000.000.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa	206.000.000.000	79.23	206.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	40.600.000.000	15.62	40.600.000.000	-
Các cổ đông khác	13.400.000.000	5.15	13.400.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>260.000.000.000</b>	<b>100.00</b>	<b>260.000.000.000</b>	<b>-</b>

Trong kỳ, Công ty đã mua lại 24.000 cổ phiếu của cán bộ công nhân viên Công ty với số tiền 314.400.000 VND.

#### 20c. Cổ phiếu

	31/12/2017	31/12/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.000.000	26.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.000.000	26.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	26.000.000	26.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	24.000	24.000
- Cổ phiếu phổ thông	24.000	24.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.976.000	25.976.000
- Cổ phiếu phổ thông	25.976.000	25.976.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 21. Phân phối lợi nhuận

Việc phân phối lợi nhuận chính xác sẽ do Đại Hội cổ đông quyết định vào ngày 21/04/2017. Trong kỳ Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận theo nội dung cuộc họp Hội đồng quản trị Ngày 15/03/2017 như sau:

	VND	
<input type="checkbox"/> Chia cổ tức cho các cổ đông	:	-
<input type="checkbox"/> Trích quỹ đầu tư phát triển	:	-
<input type="checkbox"/> Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thường Ban điều hành, quản lý	:	-
<input type="checkbox"/> Lợi nhuận để lại chưa phân phối	:	-
<b>Cộng</b>		<b>-</b>

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 4/2017	Quý 4/2016
Doanh thu sản xuất nước sạch	69.422.224.435	57.879.391.234
Doanh thu hoạt động xây lắp	23.602.391.595	16.763.364.890
Doanh thu khảo sát thiết kế	316.030.620	140.635.729
Doanh thu bán, nhượng vật tư	151.834.315	15.600.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Quý 4/2017</u>	<u>Quý 4/2016</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>93.492.480.965</u></b>	<b><u>74.798.991.853</u></b>
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
	<u>Quý 4/2017</u>	<u>Quý 4/2016</u>
Hàng bán bị trả lại	63.214.636	14.691.000
<b>Cộng</b>	<b><u>63.214.636</u></b>	<b><u>14.691.000</u></b>
<b>3. Giá vốn hàng bán</b>		
	<u>Quý 4/2017</u>	<u>Quý 4/2016</u>
Giá vốn sản xuất nước	62.469.986.598	48.850.767.081
Giá vốn xây lắp	20.982.960.610	17.996.962.682
Giá vốn thiết kế	180.168.191	106.962.319
Giá vốn khác (bán/nhượng vật tư...)	137.835.401	14.004.854
<b>Cộng</b>	<b><u>83.770.950.800</u></b>	<b><u>66.954.692.082</u></b>
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<u>Quý 4/2017</u>	<u>Quý 4/2016</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.836.367.178	795.088.199
<b>Cộng</b>	<b><u>1.836.367.178</u></b>	<b><u>795.088.199</u></b>
<b>5. Chi phí tài chính</b>		
	<u>Quý 4/2017</u>	<u>Quý 4/2016</u>
Chi phí lãi vay	1.658.415.897	1.577.383.497
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.658.415.897</u></b>	<b><u>1.577.383.497</u></b>
<b>6. Chi phí bán hàng</b>		
	<u>Quý 4/2017</u>	<u>Quý 4/2016</u>
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	13.080.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	18.000.000
Các chi phí khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>31.080.000</u></b>
<b>7. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<u>Quý 4/2017</u>	<u>Quý 4/2016</u>
Chi phí cho nhân viên	1.867.130.912	322.015.135
Chi phí vật liệu quản lý	-	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	82.904.545	59.298.658
Chi phí khấu hao tài sản cố định	81.596.455	73.470.437
Thuế, phí và lệ phí	-	20.000.000
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.278.935.916	878.447.189
Các chi phí khác	698.749.886	849.279.742
<b>Cộng</b>	<b><u>4.009.317.714</u></b>	<b><u>2.202.511.161</u></b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 8. Thu nhập khác

	<u>Quý 4/2017</u>	<u>Quý 4/2016</u>
Được thưởng, bồi thường	-	5.000.000
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	41.688.637	-
Thu từ phí bảo vệ môi trường giữ lại	1.492.994.974	1.145.280.345
Thu nhập khác	219.236.400	91.124.322
<b>Cộng</b>	<b><u>1.753.920.011</u></b>	<b><u>1.241.404.667</u></b>

#### 9. Chi phí khác

	<u>Quý 4/2017</u>	<u>Quý 4/2016</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	-	-
Khấu hao tài sản cố định cho thuê	-	-
Chi phí khấu hao của hợp tác đầu tư	-	-
Chi phí tiền xăng dầu	-	-
Chi phí bị phạt	9.542.667	4.691.803
Chi phí thanh lý TSCĐ	-	195.067.516
Chi hỗ trợ phí bảo vệ môi trường và thoát nước đô thị	1.496.096.550	1.547.281.560
Chi phí khác	69.039.694	90.185.404
<b>Cộng</b>	<b><u>1.574.678.911</u></b>	<b><u>1.837.226.283</u></b>

#### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Quý 4/2017</u>	<u>Quý 4/2016</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.447.606.864	19.922.882.890
Chi phí nhân công	24.994.884.116	20.567.958.139
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.144.041.795	19.230.640.119
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.080.197.291	3.229.278.618
Chi phí khác	2.278.298.877	3.252.428.164
<b>Cộng</b>	<b><u>78.945.028.943</u></b>	<b><u>66.203.187.930</u></b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

#### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu là công ty liên kết.

*Giao dịch với các bên liên quan khác*



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b. Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3. V.12.

*Cam kết góp vốn*

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201574467 ngày 27 tháng 9 kỳ 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp. Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu 24 tỷ VND. tương đương 30% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo tài chính. Công ty đã đầu tư 24 tỷ VND. Công ty đã góp đủ vốn Điều lệ cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu là 24 tỷ VND.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

## 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh cho các hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong kỳ, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực: sản xuất nước sạch, hoạt động xây lắp, khảo sát thiết kế và bán vật tư. Báo cáo kết quả kinh doanh theo bộ phận thể hiện kết quả của lĩnh vực trong doanh trong kỳ như sau:

	<u>Quý 4/2017</u>	<u>Quý 4/2016</u>
<b>Hoạt động sản xuất nước sạch</b>		
Doanh thu	69.422.224.435	57.879.391.234
Giá vốn	62.469.986.598	48.850.767.081
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>6.952.237.837</b>	<b>9.028.624.153</b>
	<u>Quý 4/2017</u>	<u>Quý 4/2016</u>
<b>Hoạt động xây lắp</b>		
Doanh thu	23.602.391.595	16.763.364.890
Giá vốn	20.982.960.610	17.996.962.682
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>2.619.430.985</b>	<b>(1.233.597.792)</b>
	<u>Quý 4/2017</u>	<u>Quý 4/2016</u>
<b>Hoạt động khảo sát, thiết kế</b>		
Doanh thu	316.030.620	140.635.729
Giá vốn	180.168.191	106.962.319
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>135.862.429</b>	<b>33.673.410</b>
	<u>Quý 4/2017</u>	<u>Quý 4/2016</u>
<b>Hoạt động khác (bán vật tư...)</b>		
Doanh thu	151.834.315	15.600.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Quý 4/2017</u>	<u>Quý 4/2016</u>
Giá vốn	137.835.401	14.004.854
Lợi nhuận khác	<u>13.998.914</u>	<u>1.595.146</u>
	<u>Quý 4/2017</u>	<u>Quý 4/2016</u>
Lợi nhuận gộp	<u>9.721.530.165</u>	<u>7.830.294.916</u>

Công ty không tiến hành lập Báo cáo bộ phận cho các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán do không đủ thông tin để tiến hành chia tách.

#### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

#### 3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

#### 4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

##### *Phải thu khách hàng*

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính như sau:

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.930.364.736	30.038.159.183
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	23.000.000.000	30.000.000.000
Phải thu khách hàng	46.898.760.450	29.547.889.725
Cầm cố ký quỹ	20.000.000	20.000.000
<b>Cộng</b>	<u><b>99.849.125.186</b></u>	<u><b>89.606.048.908</b></u>

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.7 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **4b. *Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

### **4c. *Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 kỳ 2016 và ngày 31 tháng 12 kỳ 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một kỳ tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty chỉ có các khoản tiền gửi có kỳ hạn có lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc kỳ tài chính là 47.000.000.000VND (31/12/2016 là 55.000.000.000VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

#### *Rủi ro về giá nguyên vật liệu*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

#### 4d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 kỳ 2016 và tại ngày 31 tháng 12 kỳ 2015.

#### 4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

##### Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.930.964.736	30.038.159.183
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	16.000.000.000	30.000.000.000
Phải thu khách hàng	46.898.760.450	29.547.889.725
Các khoản phải thu khác	3.495.226.437	3.733.327.216
<b>Cộng</b>	<b><u>96.324.951.623</u></b>	<b><u>93.319.376.124</u></b>

##### Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
Phải trả người bán	33.460.922.333	33.314.599.241
Vay và nợ các tổ chức tài chính	167.978.051.561	169.397.733.561
Các khoản phải trả khác	42.827.450.695	36.289.510.705
<b>Cộng</b>	<b><u>244.266.424.589</u></b>	<b><u>239.001.843.507</u></b>

##### Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 kỳ 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

#### 5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Ngoài các vấn đề nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

**Trần Thị Thu Hà**  
Người lập biểu

**Nguyễn Văn Quân**  
Kế toán trưởng



Nha Trang, ngày 18 tháng 01 năm 2018

**Trần Văn Huy**  
Tổng Giám đốc